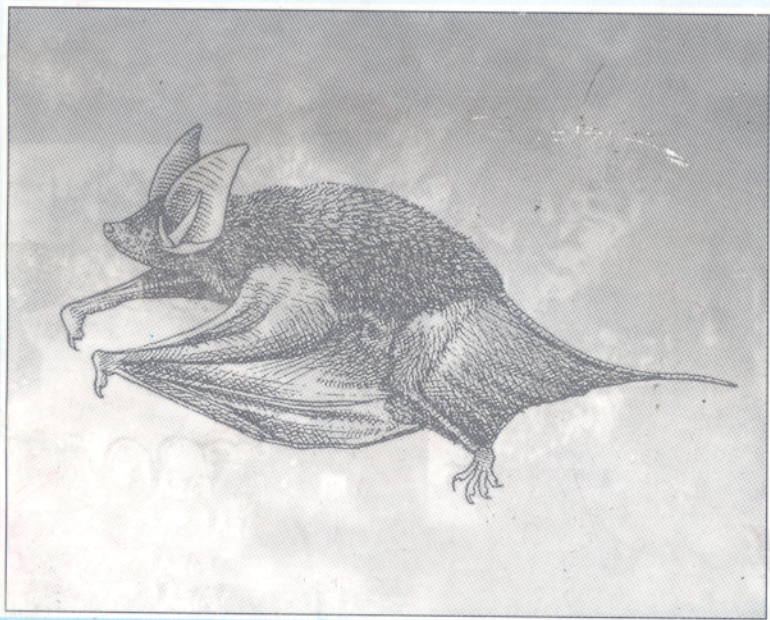


PHI MẠNH HỒNG

DƠI VIỆT NAM

VÀ VAI TRÒ CỦA CHÚNG TRONG KINH TẾ
VÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

PHI MẠNH HỒNG

DỜI VIỆT NAM
VÀ VAI TRÒ CỦA CHÚNG TRONG KINH TẾ
VÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2001

LỜI GIỚI THIỆU

Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu TS. Phi Mạnh Hồng đã sưu tầm, tổng kết tài liệu hiện có ở Việt Nam và viết thành chuyên khảo **“Đoi Việt Nam và vai trò của chúng trong kinh tế và sản xuất nông nghiệp”**. Trước đây các tác giả nước ngoài có đề cập đến các loài doi Việt Nam nhưng chủ yếu về mặt phân loại và hệ thống học (Bourret, Osgood, Thomas, Van Peenen...).

Trong cuốn sách này, tác giả đã thống kê được 17 loài doi hiện biết ở Việt Nam; tác giả đã xây dựng khoá định loại, nêu các đặc điểm nhận dạng, mô tả hình dáng và kích cỡ của tất cả các loài doi, nơi ở và vùng phân bố của từng loài ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Ngoài ra nội dung sách còn cung cấp những dẫn liệu về đời sống, hoạt động và giá trị của từng loài doi nhằm nêu bật giá trị và hiện trạng của chúng trong việc bảo vệ, phục vụ cho phát triển kinh tế và sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Mỗi họ doi được minh hoạ bằng hình vẽ hay ảnh chụp giúp cho việc nhận dạng dễ dàng.

Đây là cuốn sách chuyên khảo đầu tiên tương đối toàn diện về nguồn lợi Đoi ở nước ta, giúp ích cho việc nghiên cứu phục hồi, bảo vệ, phát triển và khai thác mặt ích lợi của loài doi.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách **“Đoi Việt Nam và vai trò của chúng trong kinh tế và sản xuất nông nghiệp”** với bạn đọc.

GS.TSKH. Cao Văn Sung

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay ở Việt Nam đã thống kê được 127 loài dơi thuộc 7 họ, trừ 12 loài thuộc họ Dơi quả gây hại cho cây ăn quả và cây công nghiệp, tuy nhiên chúng lại là nhân tố tích cực trong phát tán hạt giống, có ý nghĩa lớn trong thụ phấn cho cây vì ăn mật hoa và phân hoa. Còn lại 115 loài thuộc 6 họ bao gồm họ Dơi bao đuôi (2 loài), họ Dơi ma (2 loài), họ Dơi lá mũi (16 loài), họ Dơi nếp mũi (14 loài), họ Dơi muỗi (30 loài) và họ Dơi thò đuôi (1 loài) đều có lợi diệt côn trùng và muỗi, nhiều loài sống thành đàn từ hàng trăm đến hàng nghìn cá thể trong hang động, đường hầm, thải phân được dùng để bón cho cây trồng và là nguồn diêm trắng để điều chế thuốc nổ. Có 6 loài gồm loài Dơi chó tai ngắn, loài Dơi lá sa đen, loài Dơi thùy không đuôi, loài Dơi mũi ống cánh lông, loài Dơi iô và loài Dơi tai sọ cao đều được xếp bậc R (Rare: hiếm) trong Sách Đỏ Việt Nam. Riêng 3 loài gồm loài Dơi lá quạt, loài Dơi mũi Nêquam và loài Dơi thùy tai to thuộc loài quý hiếm của thế giới.

- Mẫu vật dơi đầu tiên ở nước ta là loài Dơi ngựa lớn đã được nói đến năm 1758, rồi đến loài Dơi ma Nam.

Năm 1767 nói đến loài Dơi mũi nhẵn đốm vàng.

Năm 1774 nghe thấy loài Dơi tai to.

Năm 1797 nói đến loài Dơi chó Ấn.

- Sang thế kỷ XIX qua nhiều lần nghiên cứu mẫu vật vào 31 năm là: năm 1810, 1813, 1817, 1819, 1820, 1823, 1824, 1831, 1834, 1835, 1837, 1838, 1840, 1841, 1844, 1846, 1848, 1851, 1852, 1853, 1855, 1856, 1858, 1861, 1871, 1872, 1873, 1881, 1882, 1891 và 1899, các chuyên gia động vật học nước ngoài đã nói đến 54 loài Dơi thuộc các họ trên.

- Đến thế kỷ XX:

Năm 1902 nói có loài Dơi Iô.

Năm 1903 nghe có loài Dơi Mã Lai.

Năm 1905 nói có loài Dơi lá Steno và loài Dơi lá Tôma.

Năm 1908 nghe có loài Dơi ngựa Thái Lan.

Năm 1911 nói có loài Dơi ăn mật hoa lớn.

Năm 1915 nghe có loài Dơi rôbút.

Năm 1918 nói đến loài Dơi mũi Nêquam và loài Dơi mũi xinh.

Năm 1932 nghe có loài Dơi chai chân.

Năm 1939 nói đến loài Dơi lá Ôgút.

Năm 1947 nghe có loài Dơi thùy tai to.

Năm 1951 nói đến loài Dơi lá quạt.

Năm 1973 nghe có loài Dơi lá Mácsan.

- Từ 1955 đến 1957 công tác điều tra khu hệ thú ở các địa phương trên miền Bắc nước ta do Ủy ban Khoa học và

kỹ thuật Nhà nước, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội v.v... thực hiện về mặt phân loại, sinh học và sinh thái học.

- Ở miền Nam do Van Peenen và cộng sự trong đoàn quân y Mỹ tiến hành từ 1965 đến 1971, nghiên cứu khu hệ thú ở nhiều tỉnh, chủ yếu về phân loại học.

- Từ 1976, các nhà Thú học bắt đầu mở rộng nghiên cứu các khu hệ thú địa phương của các tỉnh Trung bộ, Tây Nguyên và Nam bộ. Các tài liệu trong và ngoài nước nghiên cứu về dơi đã được công bố cho thấy thành phần loài và sự phân bố của dơi được bổ sung.

- Từ 1990 chúng tôi có tham gia sưu tầm, khảo sát Dơi tại nhiều địa phương trên đất nước ta, một phần thông tin khoa học, số liệu về Dơi đã được chúng tôi công bố trên tạp chí Sinh học, tạp chí Kinh tế nông nghiệp... Căn cứ vào các số liệu thu thập được trong các đợt nghiên cứu của các tác giả đã ghi trong tài liệu tham khảo, chúng tôi đã thống kê, định loại các loài Dơi, thu thập dẫn liệu về sinh học và sinh thái học.

Trong sách “Dơi Việt Nam và vai trò của chúng trong kinh tế và sản xuất nông nghiệp” mỗi loài dơi được trình bày theo thứ tự sau:

- Tên khoa học bằng tiếng Latinh, theo tư liệu gốc của tác giả đã định tên.

- Tên đồng nghĩa của một số loài thông dụng ở Việt Nam và các nước trong khu vực.

- Tên một số phân loài đã xác định ở nước ta.

- Tên Việt và tên dân tộc Thái, Mường, Dao...

- Phân bố của Dơi ở Việt Nam, trên thế giới trước đây và hiện nay.

- Mô tả về hình dạng ngoài: lá mũi, mấu tai, đôi mấu tai, thùy, yên ngựa, màng gian đầu, sụn gót... màu sắc lông và về kích cỡ thân, đuôi, cánh tay, tai, bàn chân, sọ, cung gò má, hàm, răng.

- Nơi sống và sinh thái từng loài.

- Giá trị: nêu ý nghĩa, tác dụng của mỗi loài.

- Tình trạng: nhiều, ít, hay hiếm... của từng loài.

- Nơi lưu giữ vật mẫu: nêu các bảo tàng trong và ngoài nước, viết tắt như:

HNM - Bảo tàng động vật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

VST - Bảo tàng động vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

MNHP - Bảo tàng thiên nhiên Paris.

BMNH - Bảo tàng Lịch sử tự nhiên London.

USNM - Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Washington.

FMNH - Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Chicago.

HUM - Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Budapest.

Để hoàn thành sách, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của cố Nhà giáo nhân dân- GS. Đào Văn Tiến (Đại học Tổng hợp Hà Nội) đã cung cấp những tư liệu quý và đã góp nhiều ý kiến về bản thảo, GS.TSKH. Cao Văn Sung (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật) bổ sung thêm một số tư liệu và xem lại bản thảo. Chúng tôi đã tham khảo tài liệu và hình vẽ về dơi của các nhà khoa học nước ngoài, cùng các tư liệu thu thập trên thực địa và các ảnh, mẫu vật của các đồng nghiệp ở Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật và trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Sách này chắc chắn còn có thiếu sót, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học.

TỔNG QUAN

Dơi là loài cầm thú, cầm vì biết bay; thú vì giống chuột, có lông mao, có vú, đẻ con. Dơi khác với chồn dơi và sóc bay chỉ có khả năng “lượn”, còn dơi “bay” được vì có cánh, đó là một màng da rộng mỏng nối liền cánh tay, bàn tay, các ngón tay với mình, chân sau và đuôi. Dơi là loài thú duy nhất bay được xa 30km với tốc độ 50 km/giờ. Dơi bay giỏi, nhưng đi lại rất khó, sự thực nó không đi được mà chỉ bò lê, mặc dù chân dơi yếu không thể sử dụng để lấy đà, song nhờ cử động cánh mà dơi có thể bật khỏi mặt đất để cất cánh bay lên. Một số loài dơi muỗi có thể bay đứng được trong một lúc. Đuôi dơi chỉ có tác dụng làm giảm tốc độ trước khi hạ cánh. Dơi có đường bay linh hoạt đổi chiều thay hướng một cách đột ngột, ngăn chặn đường bay của muỗi, côn trùng và dớp lấy chúng một cách dễ dàng.

Trên thế giới có đến 906 loài dơi có mặt ở mọi nơi trên lục địa. Người ta phân biệt thành các nhóm dơi lớn và dơi bé. Ở nước ta dơi lớn có 12 loài thuộc họ Dơi quả, dơi bé có 3 loài thuộc 6 họ dơi còn lại.

Dơi dùng khứu giác và thị giác đi kiếm ăn, dùng âm thanh định vị hướng bay. Dơi phát ra từ mũi, miệng siêu

âm với tần số từ 30.000 đến 70.000 dao động một giây, âm đập vào con mồi rồi dội lại, dơi muỗi có thể ước lượng được vị trí của mồi để bay tới, chớp chớp cho đúng, hoặc tránh chướng ngại vật trên đường bay.

Dơi là loài sinh con, cho con bú. Mỗi năm dơi sinh một lứa, mỗi lứa 1-2 con. Dơi đẻ ở tư thế đặc biệt giống như dơi ở tư thế ngủ, khi ngủ nó dùng vuốt ở chân treo ngược cơ thể vào cành cây, chỉ cần rời cành cây là dơi có thể buông mình rồi từ đó bay lên được, còn khi đẻ dơi mẹ chỉ dùng một chân sau để bám vào cành cây, còn chân kia có tác dụng hỗ trợ cho dơi mẹ gỡ màng phôi tạo điều kiện cho việc ra đời của dơi con và dơi con khi ra đời sẽ rơi vào màng gian đùi của dơi mẹ, màng này có tác dụng như cái võng nâng đỡ cho con sơ sinh. Dơi con sau 2 tháng tuổi thì trưởng thành. Dơi quả sơ sinh nặng khoảng 92 gam, các loài dơi khác mới đẻ nặng từ 15-40 gam. Tuổi thọ của dơi tùy loài, nhưng từ 15-20 năm. Thức ăn của dơi: hoa quả, mật ngọt, côn trùng, sâu bọ, muỗi. Dơi sống theo đàn, sinh hoạt kiếm mồi vào buổi tối, không ưa những ngày giá rét. Dơi thích trú qua đông trong các hang động nhất định, dưới tán cây, mái đình, chùa... Người ta đã bắt một số dơi bằng lưới treo và lưới khung còn gọi là lưới thụ cầm, từ những hang động trú rét quen thuộc của chúng đưa sang một hang động khác cách hang động cũ khoảng 30km,